

Bản án số: 69/2024/DS-ST
Ngày: 19-7-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lưu Đức Chung.
- Ông Trịnh Sâm Châu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: **Tổ A, Khu A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.**

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Bảo K**, sinh năm 2003.

Địa chỉ: **Số B, hẻm E, Tổ A, Khu A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng.**
(Bà **N** có mặt, anh **K** vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2024 và các lời khai của nguyên đơn bà **Trần Thị N** trình bày:

Bà và anh **Nguyễn Bảo K** là hàng xóm quen biết với nhau. Do có nhu cầu vay tiền trang trải cuộc sống nên vào ngày 19/3/2022 anh **K** có vay của bà số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), thỏa thuận miệng lãi suất là 6%/tháng, thời hạn trả là 03 tháng. Khi vay có viết giấy tay vay tiền, không cầm cố hay thế chấp tài sản gì.

Quá trình vay, anh **K** có đưa cho bà số tiền tổng cộng 7.000.000 đồng, gồm 04 lần (lần 1 đưa 2.000.000 đồng, lần 2 đưa 2.000.000 đồng, lần 3 đưa

2.000.000 đồng; lần 4 đưa 1.000.000 đồng). Mỗi lần anh **K** đưa tiền bà đều ký nhận vào sổ do anh **K** giữ. Bà xác định số tiền 7.000.000 đồng anh **K** đưa không phải là tiền gốc hay tiền lãi mà đó là tiền do anh **K** hứa cho con bà uống sữa. Bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh việc anh **K** có hứa cho con bà 7.000.000 đồng để mua sữa như nêu trên.

Bà xác định số tiền 15.000.000 đồng bà cho anh **K** vay là tiền riêng của bà, không liên quan đến chồng bà là ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1980 cùng sinh sống tại **Tổ A, khu A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai** nên bà đề nghị Tòa không đưa ông **H** vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Bà yêu cầu anh **K** phải thanh toán cho bà số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng và tiền lãi suất 20%/năm tính từ ngày 19/3/2022 đến ngày xét xử 19/7/2024, cụ thể: $15.000.000đ \times 24 \text{ tháng} \times 20\% = 6.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng bà **N** yêu cầu anh **K** phải thanh toán cho bà số tiền gốc và lãi là 21.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà **N** thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, bà chỉ yêu cầu anh **K** trả tiền lãi chậm trả là 09 tháng đối với số tiền 8.000.000 đồng tính từ tháng 10/2023 đến tháng 6/2024 theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai ngày 15/4/2024, Biên bản lấy lời khai ghi ngày 22/5/2024 và các lời khai khác của anh Nguyễn Bảo K có tại hồ sơ thể hiện:

Anh **K** xác nhận vào ngày 19/3/2022 có vay của bà **Trần Thị N** số tiền 15.000.000 đồng, khi vay không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả và không viết giấy vay tiền mà chỉ ký vào sổ của bà **N** do bà **N** giữ. Giữa anh và bà **N** có thỏa thuận miệng là hàng tháng anh thanh toán cho bà **N** 1.000.000 đồng tiền gốc, trả bằng tiền mặt cho đến khi nào hết số tiền 15.000.000 đồng (không quy định ngày trả cụ thể trong tháng). Anh đã trả cho bà **N** được số tiền 7.000.000 đồng tương đương 07 tháng. Đến tháng 10/2023 anh có đem 1.000.000 đồng để trả nhưng bà **N** không đồng ý nhận và chê tiền ít nên anh không tiếp tục trả cho đến nay. Nay anh xác định chỉ còn nợ bà **N** số tiền gốc 8.000.000 đồng và chỉ đồng ý thanh toán cho bà **N** 8.000.000 đồng tiền gốc, không đồng ý thanh toán tiền lãi.

Bà **N** cho rằng số tiền 7.000.000 đồng anh đã thanh toán là tiền anh hứa cho con bà **N** mua sữa là không đúng vì thời điểm này hoàn cảnh kinh tế của anh rất khó khăn, chính anh phải vay tiền của bà **N** nên không thể có tiền để cho con bà **N** mua sữa.

Anh xác định chữ ký và chữ viết họ tên của anh trong giấy nợ do bà **N** cung cấp đúng là chữ ký, chữ viết họ tên của anh.

Đối với chữ ký và chữ viết ghi nội dung “Ngày 7 tháng 5 năm 2023 Em Bảo Khang gửi tiền sữa cho mấy đứa nhỏ, **N** nhận 2.000.000” theo giấy nhận nợ do anh cung cấp cho Tòa án là chữ ký và chữ viết của bà **N** tự ghi.

Nay bà **N** yêu cầu anh phải thanh toán cho bà số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng và tiền lãi 20%/năm tính từ ngày 19/3/2022 đến ngày xét xử 19/7/2024, cụ thể: $15.000.000đ \times 24 \text{ tháng} \times 20\% = 6.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng bà **N** yêu cầu anh **K** phải có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền gốc và lãi là 21.000.000 đồng (trong đó 15.000.000đ tiền gốc và 6.000.000 đồng tiền lãi), anh **K** không đồng ý.

Ngày 15/7/2024, anh **K** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **N**, buộc anh **K** có trách nhiệm thanh toán cho bà **N** số tiền nợ gốc là 8.000.000 đồng và xem xét buộc anh **K** phải trả cho bà **N** tiền lãi chậm trả tính từ tháng 10/2023 đến tháng 6/2024 theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh **Nguyễn Bảo K** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh **K**.

[2] Về thẩm quyền: Anh **Nguyễn Bảo K** có nơi cư trú tại địa chỉ: **Tổ A, Khu A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai**. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà **N** khởi kiện yêu cầu anh **Nguyễn Bảo K** thanh toán số tiền nợ cho vay nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về tư cách các đương sự tham gia tố tụng: Bà **N** xác định số tiền cho anh **K** vay là tiền riêng của bà, không liên quan đến chồng bà là ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1980. Lời khai của ông **H** tại hồ sơ cũng xác định số tiền bà **N** cho anh **K** vay là tiền riêng của bà **N** nên Hội đồng xét xử không đưa ông **H** vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị N** về việc yêu cầu anh **K** trả cho bà **N** số tiền nợ gốc là 15.000.000đ và tiền lãi chậm trả tính từ tháng 10/2023 đến tháng 6/2024:

[5.1] Về khoản tiền gốc 15.000.000 đồng: Cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định, anh **K** có vay của bà **N** số tiền 15.000.000đ. Anh **K** khai đã trả cho bà **N** số tiền gốc là 7.000.000 đồng và bà **N** có ký nhận vào sổ do anh giữ. Phía bà **N** cũng thừa nhận có nhận số tiền 7.000.000 đồng của anh **K** nhưng bà cho rằng đó là tiền anh **K** hứa cho con bà mua sữa. Xét, bà **N** không cung cấp được chứng cứ để chứng minh số tiền 7.000.000 đồng là tiền anh **K** cho con bà mua sữa nên xác định đây là số tiền gốc anh **K** đã trả cho bà **N** và được trừ vào số tiền vay

15.000.000 đồng ($15.000.000đ - 7.000.000đ = 8.000.000đ$). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **N**, buộc anh **K** phải trả cho bà **N** số tiền nợ gốc còn lại là 8.000.000 đồng.

[5.2] Về khoản tiền lãi: Tại phiên tòa, bà **N** thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, bà chỉ yêu cầu anh **K** trả tiền lãi chậm trả là 09 tháng đối với số tiền 8.000.000 đồng tính từ tháng 10/2023 đến tháng 6/2024 theo quy định của pháp luật.

Mặc dù hợp đồng vay tiền giữa bà **N** và anh **K** không thỏa thuận về thời hạn trả và lãi suất, tuy nhiên vào tháng 10/2023 bà **N** yêu cầu anh **K** trả toàn bộ khoản nợ vay nhưng anh **K** ngưng không trả đến nay là vi phạm về nghĩa vụ thanh toán nợ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà **N**. Tại phiên tòa, bà **N** thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, chỉ yêu cầu anh **K** trả cho bà 09 tháng tiền lãi chậm trả tính từ 10/2023 đến tháng 6/2024 đối với số tiền gốc là 8.000.000 đồng theo quy định của pháp luật. Xét, yêu cầu của bà **N** có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tiền lãi được tính như sau:

+ Tiền lãi chậm trả từ 01/10/2023 đến 30/6/2024: $8.000.000đ \times 0,83\% \times 09 \text{ tháng} = 597.600 \text{ đồng}$.

Như vậy, số tiền lãi anh **K** phải trả cho bà **N** là 597.600 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **N**, buộc anh **K** phải trả cho bà **N** số tiền gốc là 8.000.000đ và lãi suất là 597.600đ. Tổng cộng 8.597.600 đồng.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn anh **Nguyễn Bảo K** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán là 430.000 đồng, được tính là $8.597.600 \text{ đồng} \times 5\% = 430.000 \text{ đồng}$.

Bà **N** phải chịu số tiền án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 350.000 đồng, được tính là $7.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 350.000 \text{ đồng}$.

[8] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần Thị N** đối với bị đơn anh **Nguyễn Bảo K** về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Xử buộc anh **Nguyễn Bảo K** có trách nhiệm trả cho bà **N** số tiền nợ gốc và lãi là 8.597.600 đồng (Tám triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm đồng) trong đó tiền nợ gốc là 8.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 597.600 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) của bà **N**.

3. Về án phí: Anh **K** phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 430.000 đồng (bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Bà **N** phải chịu số tiền án phí đối với phần không được chấp nhận là 350.000 đồng (ba trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng bà **N** được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000 đồng theo biên lai số 0015451 ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Hoàn trả bà **N** số tiền 25.000 đồng (Hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí còn lại.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bà **N** được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh **K** được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Minh Thảo